

Số: /UBND-TNMT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

V/v đăng ký danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện dự án trong năm 2022 (bổ sung)

Kính gửi:

- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố 1 và 2;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu;
- Các chủ đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Thực hiện văn bản số 1754/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/03/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện dự án trong năm 2022 (bổ sung).

Xét báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 1457/TNMT-QHKH 12/4/2022, UBND thành phố Vũng Tàu đề nghị các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Vũng Tàu thực hiện lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện dự án trong năm 2022 (bổ sung), cụ thể như sau:

1. Về quy định pháp luật có liên quan:

- Tại khoản 1, Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch¹;
- Tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai²;
- Tại Điều 14 và Điều 19 Luật Lâm nghiệp³;

¹ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.”

² “1. Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.”

³ **Điều 14. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng**

1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất; diện tích rừng hiện có tại địa phương.
2. Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt. 3. Không giao, cho thuê diện tích rừng đang có tranh chấp.

4. Chủ rừng không được cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác thuê diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng do Nhà nước đầu tư.

5. Thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Tại Điều 5 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai⁴;

- Tại Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa⁵;

- Tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Đăng ký danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện dự án trong năm 2022 (bổ sung):

2.1. Yêu cầu đối với công trình, dự án sử dụng đất

a) Điều kiện đăng ký công trình, dự án đưa vào danh mục

6. Thời hạn, hạn mức giao rừng, cho thuê rừng phù hợp với thời hạn, hạn mức giao đất, cho thuê đất.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân địa phương; không phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.

8. Tôn trọng không gian sinh tồn, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư; ưu tiên giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng, truyền thống gắn bó với rừng, có hương ước, quy ước phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

4. Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.

⁴ “đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;”

⁵ Điều 14. Bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước Bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thực hiện theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt và các quy định sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

2. Độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách từ 20 đến 25 cen-ti-mét tính từ mặt đất.

3. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này. Phương án sử dụng tầng đất mặt là thành phần hồ sơ xin phép chuyển mục đích sử dụng đất;

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang xây dựng công trình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt.

- Mục đích sử dụng đất của dự án, công trình phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (tỉnh hoặc huyện):

+ Có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và phù hợp với dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 được quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Được bố trí nguồn vốn thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong năm 2022 (nếu có).

+ Có thông báo hoặc kết luận của cấp có thẩm quyền (đối với dự án dân sinh cấp bách tại địa phương và của tỉnh) hoặc đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (đối với các công trình của các Sở, Ban ngành làm chủ đầu tư).

- Đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách: văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trừ trường hợp dự án sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh theo Điều 73 Luật Đất đai.

- Đối với các dự án, công trình chuyên mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: không đưa vào danh mục đối với các dự án, công trình đã có trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh từ năm 2019 đến năm 2021 mà chưa thực hiện và đã đưa vào Nghị quyết mà có thời gian dưới 03 năm.

- Danh mục các dự án, công trình phải đầy đủ các thông tin theo yêu cầu (trường hợp không có thông tin xem như không đủ điều kiện).

b) Thành phần hồ sơ trình thẩm định

(1) Đối với các dự án thu hồi đất

+ Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công mà tại thời điểm gửi hồ sơ văn bản đó còn hiệu lực thực hiện, trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trong đó, văn bản phê duyệt dự án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thông báo hoặc kết luận của cấp có thẩm quyền (đối với dự án sử dụng vốn ngân sách); văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án ngoài ngân sách).

+ Văn bản về bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) theo kế hoạch đầu tư công năm 2022.

+ Thuyết minh dự án đầu tư kèm bản đồ

+ Sơ đồ vị trí khu đất hoặc trích lục ranh giới khu đất.

+ Danh mục theo **Phục lục 01** kèm theo văn bản này.

(2) *Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất*: Ngoài các yêu cầu nêu tại mục (1) thì có thêm các hồ sơ gồm:

+ Tờ trình theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021.

+ Trường hợp dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải có phương án trồng rừng thay thế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Ngoài ra, phải xác định rõ diện tích đất chuyển mục đích đất rừng tự nhiên trong dự án và phải có văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đã có văn bản chấp thuận chủ trương cho phép chuyển rừng của cơ quan có thẩm quyền.

+ Trường hợp dự án có chuyển mục đích sử dụng trồng lúa thì phải có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

+ Danh mục theo **Phục lục 02** kèm theo văn bản này.

c) Yêu cầu hình thức hồ sơ

- Mẫu tờ trình dự án, công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng áp dụng theo Mẫu số 3b, các mẫu bảng kèm theo Mẫu số 3b (kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT).

- Mẫu danh mục các dự án có thu hồi đất thực hiện theo phụ lục số 01 kèm theo văn bản này (đính kèm các hồ sơ có liên quan được nêu trong phụ lục).

2.2. Tổ chức thực hiện:

- **Các cơ quan được giao làm chủ đầu tư; các chủ sử dụng đất**: căn cứ yêu cầu về nội dung, thành phần hồ sơ và kế hoạch thực hiện, chủ động triển khai các nội dung và hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng thành phần và hình thức gửi về Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu **trước ngày 10/5/2021** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Phòng Tài nguyên và Môi trường**: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành triển khai thực hiện các nội dung nêu trên và đảm bảo hình thức, nội dung, thời hạn yêu cầu.

+ Rà soát các dự án, công trình đăng ký vào danh mục đảm bảo theo các yêu cầu, tránh các trường hợp không đảm bảo điều kiện đưa vào danh mục và chịu trách nhiệm về các nội dung đề xuất.

+ Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thẩm định, rà soát và hoàn chỉnh lập danh mục dự án, công trình.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu: đưa nội dung văn bản này lên Cổng thông tin điện tử của Thành phố để các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố được biết, phối hợp thực hiện./.

(Đính kèm Phụ lục 01 và 02)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TNMT (báo cáo);
- TTr Thành ủy (báo cáo);
- TTr. HĐND TPVT (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND TPVT;
- Chánh VP HĐND và UBND TPVT;
- Ban Biên tập trang TTĐT UBND TPVT;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT-TH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Hồng Thuận